

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 11 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 470/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mã Tuấn P, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp TL, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Tú T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp TL, xã TT, huyện ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án anh Mã Tuấn P trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh P tổ chức đám cưới với chị T vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào ngày 05/02/1999. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm sống, chị Trinh ít quan tâm gia đình và bỏ đi Bình Dương làm từ ngày 15/7/2016 đến nay không liên hệ về gia đình. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, vợ chồng không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Mã Diễm T1, sinh ngày 29/4/2001 và Mã Triệu V, sinh ngày 24/12/2007. Hiện tại cháu T1 đã trưởng thành nên không

đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh P xác định tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh P xác định không có.

* *Đối với chị Nguyễn Tú T:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Trinh biết về yêu cầu khởi kiện của anh P nhưng chị T không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Mã Tuấn P có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh P và chị T kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, anh P xác định do bất đồng quan điểm sống, chị T ít quan tâm chăm lo gia đình, chị T bỏ đi không về gia đình nên anh chị ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay. Do đó, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, không còn khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của anh P nên đủ căn cứ xác định được rằng chị không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh, chị.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh P được ly hôn với chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Hiện tại cháu T1 đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu V, anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không có ý kiến phản đối, đồng thời phù hợp nguyện vọng của cháu V có nguyện vọng được sống cùng anh P. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu V cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét là đúng quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Anh P xác định tự thỏa thuận với chị T, chị T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp. Trường hợp các đương sự phát sinh tranh chấp có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Anh P xác định không có, chị T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Mã Tuấn P. Cho anh Mã Tuấn P được ly hôn chị Nguyễn Tú T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Mã Tuấn P, giao cháu Mã Triệu V, sinh ngày 24/12/2007 cho anh Mã Tuấn P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Tú T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mã Tuấn P phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011078 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh P đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Ủy ban nhân dân xã TT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc

